

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HS-ST
Ngày 24-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Ông Lê Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân P, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1990 tại thành phố Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Th và bà Nguyễn Thị S; vợ là: Hoàng Thị X và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Người làm chứng:

Anh Thảo V, có mặt;

Anh Vàng Văn L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Xuân P làm công nhân của Công ty TNHH Thành H, địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng từ tháng 12 năm 2020. Khoảng 18 giờ 40 phút, ngày 22-6-2021, bị cáo P cùng với anh Vàng Văn L và anh Thảo V (đều là công nhân của Công ty TNHH Thành H) đi đổ rác, bị cáo nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-482.50 của bà Đỗ Thị N, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng đang để tại khu vực phía trước nhà vệ sinh của công ty, không có người trông coi; trên tay lái bên trái của xe mô tô có treo một chiếc túi xách màu đỏ - đen, kích thước 30cm x 20cm nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc túi xách này. Bị cáo dừng lại để cho anh L và anh V đi trước rồi đi lại gần chiếc xe mô tô, dùng tay phải lấy chiếc túi xách mang cất giấu dưới tấm bạt màu xanh cách đó khoảng 06m. Sau đó, bị cáo tiếp tục đi đổ rác rồi quay lại làm việc. Bà N có gặp bị cáo hỏi có lấy chiếc túi xách thì cho bà xin lại nhưng bị cáo nói là không biết. Trước khi về, bị cáo ra lấy chiếc túi xách, mở túi, dùng đèn pin điện thoại soi, thấy bên trong có: 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước công dân, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 15B2-482.50, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đỗ Thị N; 01 chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 15AE-010.07 mang tên Nguyễn Văn K; 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị H; 01 chiếc ví màu nâu có tiền bên trong. Bị cáo vớt chiếc túi xách và các giấy tờ nêu trên lên nóc nhà kho của Công ty TNHH Thực nghiệp Chính V (bên cạnh Công ty TNHH Thành H), lấy chiếc ví cho vào túi quần đang mặc rồi mang về. Về đến nhà, bị cáo đếm số tiền chiếm đoạt được là 2.900.000 đồng rồi mang cất giấu vào túi áo khoác treo trong tủ quần áo.

Sáng ngày 23-6-2021, bị cáo đến công ty làm việc bình thường, thấy công ty có lắp camera tại khu vực bị cáo chiếm đoạt tài sản của bà N, biết được thông tin bà đã N trình báo Công an phường Minh Đức, quận Đồ Sơn về vụ việc này nên đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo đã đến Công an phường Minh Đức đầu thú, giao nộp số tiền 2.900.000 đồng và chiếc ví màu nâu cho cơ quan công an.

Hình ảnh trích xuất từ camera ở khu vực phía trước nhà vệ sinh Công ty TNHH Thành H, lời khai của bà N, anh V và anh L phù hợp với lời khai của bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại chiếc túi xách, chiếc ví, các giấy tờ tùy thân nêu trên và số tiền 2.900.000 đồng cho bà N. Bà N trình bày chiếc túi xách và chiếc ví là giả da, dùng đã lâu, đã hỏng, không có giá trị nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 06-7-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: Không định giá đối với chiếc túi xách màu đỏ - đen và chiếc ví màu nâu vì đều đã qua sử dụng, chủ tài sản không cung cấp được giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của tài sản nên không đủ căn cứ để định giá.

Bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 01-9-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo P về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về nội dung Cáo trạng; thừa nhận vào khoảng 18 giờ 40 phút, ngày 22-6-2021, tại khu vực phía trước nhà vệ sinh của Công ty TNHH Thành H, thuộc địa bàn tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, bị cáo có

hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.900.000 đồng của bà N để trong túi xách treo trên xe mô tô biển kiểm soát 15B2-482.50 đúng như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác nhận việc điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai; trong quá trình điều tra, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật. Bị cáo cũng đã gặp và xin lỗi bị hại về hành vi của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.900.000 đồng của bà N. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bí mật, lén lút chiếm đoạt, do đó lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích bị cáo chiếm đoạt tài sản là để chi tiêu cho bản thân bị cáo. Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã đầu thú. Bị hại có đơn đề nghị Tòa án giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt bị cáo P từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn.

Chiếc túi xách, chiếc ví, các giấy tờ tùy thân và số tiền 2.900.000 đồng bị cáo chiếm đoạt đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho bà N. Bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên đề nghị không giải quyết.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát; nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để lao động nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Đỗ Thị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Sự vắng mặt của bà N không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về tội danh và khung hình phạt:

[3] Lời khai của bị cáo Nguyễn Xuân P phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 18 giờ 40 phút, ngày 22-6-2021, bị cáo P có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.900.000 đồng của bà N trong túi xách treo trên tay lái phải của xe mô tô biển kiểm soát 15B2-482.50 mà bà N để tại khu vực phía trước nhà vệ sinh của Công ty TNHH Thành H, thuộc địa bàn tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

[4] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích lấy tiền chi tiêu cho bản thân.

[5] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”.

[6] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo P về tội danh, khung hình phạt và điều luật là có cơ sở và đúng pháp luật.

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo làm mất an ninh, trật tự trên địa bàn phường Minh Đức, gây tâm lý hoang mang trong doanh nghiệp nơi bị cáo làm việc nên cần phải xử lý nghiêm để nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[8] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đầu thú. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] *Về nhân thân*: Bị cáo không có tiền án và tiền sự, trước lần phạm tội này, chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật nên có nhân thân tốt, Hội đồng xét xử cần xem xét yếu tố nhân thân này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[11] *Về hình phạt chính*: Trên cơ sở xem xét toàn diện về khung hình phạt, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo chỉ là bột phát, nhất thời. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại đầy đủ cho bị hại cùng với các giấy tờ tùy thân khác. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Mặt khác, bị cáo đang nuôi con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ cần xử phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cũng đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và giáo dục đối với bị cáo.

[12] *Về hình phạt bổ sung*: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[13] *Về xử lý vật chứng*: Số tiền 2.900.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước công dân, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 15B2-482.50, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đỗ Thị N; 01 chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 15AE-010.07 mang tên Nguyễn Văn Khoát; 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Hậu; 01 chiếc túi xách màu đỏ - đen, 01 chiếc ví màu nâu mà bị cáo chiếm đoạt đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho bà N là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] *Về trách nhiệm dân sự*: Bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường hay thực hiện trách nhiệm dân sự khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[15] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[16] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Nguyễn Xuân P 08 (*Tám*) tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách là 16 (*Mười sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24-9-2021.

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo P phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Sự

Lê Quốc Thanh

Vũ Trọng Đạt